

Bản án số: 22 /2018/HSST
Ngày: 20 / 4/ 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Trọng Diễm,
2. Bà Vũ Phương Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Yên - Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện TH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 14/2018/HSST ngày 22/ 3/ 2018 ; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/ 2018/ QĐXXST - HS ngày 06/4/2018 đối với:

Bị cáo: Bùi Xuân Đ - Sinh năm: 1979.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐBN, xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Bùi Văn B - Sn: 1931 và bà Hoàng Thị C - Sn: 1947; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ Phạm Thị Q - Sn: 1981; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2014; (Đều trú tại: xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình); Tiền sự: Không; Tiền án: Không. (Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị T - Sn: 1980. (Vắng mặt không lý do).

Trú quán: Thôn ĐL, xã NT, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

Chị Bùi Thị T1 - Sn: 1972. (Vắng mặt không lý do).

Trú quán: Thôn HT, xã NT, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h00' ngày 13/01/2018, Bùi Xuân Đ - Sn: 1979 ở thôn ĐBN, xã NH đi xe máy của gia đình hiệu Sirius BKS: 17B8 - 230.57 để đi họp hội phụ huynh cho con là Bùi Thị Vân A học lớp 10A5 trường THPT Nam TH thuộc xã NC, huyện TH. Đến khoảng 15h họp xong, Đ đi xuống sân trường thì nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave S màu đỏ đen BKS: 17M2- 6000 trị giá 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T -Sn: 1980 ở thôn ĐL, xã NT, huyện TH; Bùi Xuân Đ nảy sinh ý định trộm cắp xe, nên Đ đi lại quan sát thấy xung quanh không có ai để ý, xe không khóa cổ, nên Đ liền dắt bộ chiếc xe qua cổng trường và nói với bác bảo vệ "*Cho cháu đi qua tý*"; Sau đó Đ tiếp tục dắt bộ xe đến nhà chị gái là Bùi Thị T1 - Sn: 1972, ở thôn HT, xã NT. Khi đến nhà chị T1, Đ gọi chị T1 ra mở cổng và nói cho gửi nhờ xe, chị T1 đồng ý. Bùi Xuân Đ liền dắt xe vào sau nhà chị T1 để, sau đó đi bộ quay lại trường đi xe máy của mình về nhà. Đến khoảng 21h00' cùng ngày Đ đi xe máy đến nhà ông Nguyễn Văn T2 là người buôn đồng nát ở thôn PL, xã NH nhặt được 01 biển số xe máy cũ 17H3 - 6468 rồi đi đến nhà chị T1. Khi đến nhà chị T1 thấy nhà chị T1 khóa cổng, tắt điện, Đ để xe máy của mình ngoài cổng, mở cốp xe lấy 01 cờ lê 10 và cầm theo BKS: 17H3 - 6468 trèo qua cổng vào nhà chị T1, rồi tháo biển xe trộm cắp ra và lắp biển số 17H3 - 6468 vào; Sau đó Đ cầm biển số BKS: 17 M2- 6000 ra vệ ruộng cách nhà chị T1 khoảng 100m vứt. Đến ngày 14/01/2018 Đ đến nhà chị T1 dắt xe trộm cắp được vào bếp và nói với chị T1 "*Xe này là xe của nhân tình vợ em*" rồi bỏ đi.

Tại phiên tòa, Bùi Xuân Đ khai nhận: Khoảng 14h00' ngày 13/01/2018, Đ đi họp phụ huynh cho con gái là Bùi Thị Vân A1 ở trường THPT Nam TH. Đến khoảng 15h họp xong, Đ xuống sân trường thì nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave S màu đỏ đen BKS: 17 M2- 6000; Đ đi lại quan sát thấy xung quanh không có ai, xe không khóa cổ, nên Đ liền dắt bộ chiếc xe qua cổng trường về nhà chị gái để gửi xe, được chị T1 đồng ý, Đ dắt xe vào sau nhà để sau đó đi bộ quay lại trường đi xe của mình về nhà. Đến khoảng 21h00' cùng ngày Đ đến nhà ông T2 ở thôn PL, xã NH nhặt 01 biển số xe máy cũ 17H3 - 6468 rồi đi đến nhà chị T1. Khi đến nhà chị Đ để xe máy của mình ngoài cổng, lấy 01 cờ lê 10 và cầm BKS: 17H3 - 6468 trèo qua cổng vào nhà chị T1 rồi tháo biển xe trộm cắp ra

và lắp biển số mới vào; rồi Đ cầm biển số BKS: 17 M2- 6000 ra vệ ruộng cách nhà chị T1 khoảng 100m vớt.

Bản cáo trạng số: 20/CT - VKS ngày 20/3/2018 của VKSND huyện TH, tỉnh Thái Bình và tại phiên Tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173 ; điều 50; điểm h, i , s khoản 1 điều 51; điều 38 điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Bùi Xuân Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù; Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bùi Xuân Đ vì hoàn cảnh gia đình khó khăn và Đ không có công ăn việc làm ổn định.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH đã trả lại 01 chiếc xe máy Wave S màu đỏ xám đen BKS: 17 M2- 6000 cho người bị hại. Chị Nguyễn Thị T1 đã nhận lại 01 chiếc xe máy Wave S BKS: 17 M2- 6000 và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết; Đối với 01 BKS 17H3 - 6468; 01 cờ lê sắt dài 12 cm, bản rộng 1,2 cm. Xét thấy số vật dụng trên là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015. Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân Đ phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo Bùi Xuân Đ không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo và người bị hại không khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, đã được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại chị Nguyễn Thị T - Sn: 1980 ở thôn ĐL, xã NT, huyện TH; Lời khai của người làm chứng là Bùi Thị T1 - Sn: 1972, ở thôn HT, xã NT; Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường do Công an huyện TH lập ngày 14/01/2018; Biên bản quản lý vật chứng do Công an huyện TH lập hồi 16h30' và 15h00' ngày 14 và ngày 15/01/2018 tại UBND xã NT, huyện TH.; Bản kết luận định giá tài sản do hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TH lập ngày 16/01/2018 xác định: Chiếc mô tô Wave S màu đỏ xám đen, số khung 12039Y650655; số máy C12E-1663296 đã qua sử dụng có trị giá là: 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT - VKS ngày 20/3/2018 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện TH giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của Bùi Xuân Đ đã cấu thành tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, HĐXX xử Bùi Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của BLHS năm 2015 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của Bùi Xuân Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Bùi Xuân Đ biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng Đ vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhằm lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Bùi Xuân Đ đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Bùi Xuân Đ được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 là: “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại.....”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy; Bùi Xuân Đ là người trực tiếp hành vi trộm cắp tài sản; Hành vi của

bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý bằng hình phạt tù, nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng; nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng điều 65 của BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, buộc Bùi Xuân Đ C tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và ấn định thời gian thử thách nhất định cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành người công dân tốt và cũng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy Bùi Xuân Đ không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bùi Xuân Đ.

[6] Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH đã trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave S màu đỏ xám đen BKS: 17 M2- 6000 cho người bị hại là chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T đã nhận lại 01 chiếc xe máy Wave S BKS: 17 M2- 6000 và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên phần trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết;

Đối với 01 BKS 17H3 - 6468; 01 cờ lê sắt dài 12 cm, bản rộng 1,2 cm. Xét thấy số vật dụng trên là vật Bùi Xuân Đ sử dụng để phạm tội không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015.

[7] Về các vấn đề khác: Trong vụ án này còn có chị Bùi Thị T1 là người cho Bùi Xuân Đ gửi nhờ chiếc xe máy trộm cắp ở nhà; Nhưng qua điều tra xác định, chị T1 không biết chiếc xe máy Bùi Xuân Đ gửi tại nhà chị là xe do Đ trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TH không xử lý đối với chị Bùi Thị T1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Bùi Xuân Đ và người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân Đ phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 173 ; điểm h, i , s khoản 1 điều 51 ; điều 38 ; điều 50 ; điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Đ 09 (Chín) tháng tù; Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 20/4/2018. Giao Bùi Xuân Đ cho Ủy ban nhân dân xã NH, huyện TH, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp Bùi Xuân Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự..

3. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự của vụ án:

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết .
- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy: 01 BKS 17H3 - 6468 và 01 cò lê sắt dài 12 cm, bản rộng 1,2 cm. (Toàn bộ vật chứng đã chuyển đến Chi cục THADS huyện TH theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2018 giữa cơ quan Công an huyện TH và Chi cục THADS huyện TH).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Xuân Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bùi Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/4/2018). Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND h. TH;
- Công an huyện TH;
- Phòng TC- KT- TĐ;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ, VP;

Phạm Hải Bảo